

Bản án số: 89/2022/HS-PT

Ngày: 28/11/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyên Tùng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Hùng và ông Lê Trúc Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Văn Tám – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 73/2022/TLPT-HS ngày 11 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Hoàng Tuấn A và đồng phạm, do có kháng cáo của bị hại Lê Trọng K đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2022/HS-ST ngày 05/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Các bị cáo bị kháng cáo:

1. Hoàng Tuấn A, sinh năm 1991; tại huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện H, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình N, sinh năm 1957 và bà Lê Thị L, sinh năm 1957; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Hoàng Thị L, sinh năm 1983; tại huyện L, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện H, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình N, sinh năm 1957 và bà Lê Thị L, sinh năm 1957; có chồng Lê Xuân D, sinh năm 1977 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

3. Lê Xuân D, sinh năm 1977; tại xã B, huyện H, tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện H, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn

hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C (Chết) và bà Nguyễn Thị M (Chết); có vợ Hoàng Thị L, sinh năm 1983 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- *Người bào chữa của bị cáo Lê Xuân D*: Ông Ngô Thiên Phương – Luật sư, do Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Yên cử; có mặt.

- *Bị hại có kháng cáo*: Ông Lê Trọng K, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Thôn Lạc Nghiệp, xã Hòa Bình 1, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên; có mặt.

- *Người làm chứng*:

1. Trần Quốc T, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện H, tỉnh Phú Yên; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Lê Thị Quỳnh N, sinh năm 2006. Nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện H, tỉnh Phú Yên; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Nguyễn Văn G, sinh năm 1961. Nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện H, tỉnh Phú Yên; có mặt.

4. Lê Văn T, sinh năm 1970. Nơi cư trú: Thôn N, xã B, huyện H, tỉnh Phú Yên; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Trọng K và vợ chồng Lê Xuân D, Hoàng Thị L thường xảy ra tranh chấp đất đai đối với thửa đất tại thôn N, xã B, huyện H, tỉnh Phú Yên do Lê Văn T (*anh ruột D*) đứng tên chủ sử dụng, hiện do vợ chồng D, L quản lý, trông coi.

Chiều ngày 18/12/2021, Hoàng Thị L đến khu vườn nói trên để làm đất trồng rau. Khoảng 15 giờ 50 phút cùng ngày, K đi xe đạp đến, thấy L đang làm đất, K hỏi L vào khu vực đất nhà K làm gì, dẫn đến hai bên cãi nhau. K dùng cây, đất, đá ném về phía L nhưng không trúng. Hoàng Tuấn A (*em ruột của L*) đang cho vịt ăn ở gần đó nghe thấy cãi nhau và thấy K cầm một nhánh cây keo tiến về phía L, Hoàng Tuấn A lấy 01 cây gỗ tròn đường kính 8,5cm, dài 2,8m đẩy về phía K. K dùng tay chụp được đoạn cây và té ngã chống tay xuống đất, A thả đoạn cây, chạy đến dùng tay khóa 02 tay K ra sau lưng và đè mặt, người K xuống đất làm K bị thương ở mặt. Thấy vậy, L bảo A giữ K lại để L đi

báo công an xã B. A bảo L lấy dây trói K trước rồi báo công an sau vì K vùng vẫy không giữ được. L vào nhà lấy 02 đoạn dây nhựa đưa cho A rồi gọi điện thoại đến Công an xã Hòa Bình 1 báo cáo sự việc. A dùng đoạn dây nhựa cột 02 tay K; K vùng vẫy, dùng tay bóp vào bộ phận sinh dục của A, A la lên, D đứng gần đó chạy đến gỡ tay K ra, đồng thời giữ tay K để cho A dùng đoạn dây còn lại tiếp tục trói 02 chân K. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Công an xã B đến hiện trường, lập biên bản cởi trói cho K.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 75/TgT ngày 07/4/2022 của Trung tâm Pháp y tỉnh Phú Yên kết luận: Tỷ lệ thương tích của Lê Trọng K là 09% do vật tày gây nên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2022/HS-ST ngày 05/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Phú Yên đã tuyên các bị cáo Hoàng Tuấn A, Hoàng Thị L, Lê Xuân D phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”. Áp dụng Khoản 1 Điều 157; Điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L, bị cáo A; áp dụng Điểm p, Khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo D; phạt:

Bị cáo **Hoàng Tuấn A** 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo **Hoàng Thị L** 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Tuấn A, Hoàng Thị L cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo Hoàng Tuấn A, Hoàng Thị L có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Khi bị cáo A, L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo A, L cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo A, L phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Bị cáo **Lê Xuân D** 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Phú Yên nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Xuân D cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Gia đình bị cáo D có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Buộc các bị cáo Hoàng Tuấn A, Hoàng Thị L, Lê Xuân D phải liên đới bồi thường cho bị hại Lê Trọng K số tiền 21.360.000 đồng, mỗi bị cáo phải bồi thường 7.120.000 đồng. Bị cáo A, bị cáo D mỗi bị cáo đã bồi thường 500.000 đồng, bị cáo L đã bồi thường 2.500.000 đồng, nên bị cáo A, bị cáo D mỗi bị cáo còn phải bồi thường 6.620.000 đồng, bị cáo L còn phải bồi thường 4.620.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/8/2022, bị hại Lê Trọng K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo Hoàng Tuấn A, Hoàng Thị L, Lê Xuân D vẫn khai nhận tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng.

- Người bào chữa cho bị cáo Lê Xuân D đề nghị Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo của bị hại giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị xét xử nghiêm.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị hại – Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quá trình tranh luận không phát sinh vấn đề đối đáp. Nói lời sau cùng, các bị cáo đều xin pháp luật khoan hồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tội danh: Khoảng 15 giờ 50 phút ngày 18/12/2021, tại thôn N, xã B, huyện H, tỉnh Phú Yên. Thấy Lê Trọng K dùng cây, đất, đá ném Hoàng Thị L, cầm nhánh cây kéo tiến về phía L; sợ Kính đánh L, Hoàng Tuấn A (Em trai L) dùng cây gỗ tròn đẩy về phía Lê Trọng K, K chụp một đầu cây và ngã xuống

đất; Hoàng Tuấn A thả cây và ôm Ki lại, nhưng bị K bóp vào bộ phận sinh dục gây đau đớn; nên đã cùng Hoàng Thị L, Lê Xuân D dùng dây trói, bắt giữ Lê Trọng K trái pháp luật, làm K bị thương tích 09 %. Do đó, cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử các bị cáo Hoàng Tuấn A, Hoàng Thị L, Lê Xuân D về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo Khoản 1 Điều 157 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Quá trình bắt, giữ Lê Trọng K với mục đích để đi báo cáo chính quyền địa phương, do K gãy dựa nên bị thương tích ở vùng mặt; ngoài Hoàng Tuấn A, Hoàng Thị L, Lê Xuân D không còn ai khác cùng tham gia với các bị cáo; nên không có căn cứ cho rằng, cấp sơ thẩm còn bỏ lọt tội phạm và người phạm tội.

[2] Về hình phạt: Hành vi của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến sức khỏe, quyền tự do về thân thể của bị hại được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an – an toàn xã hội ở địa phương, nên cần xử phạt nghiêm. Khi lượng hình, án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, xem xét như nguyên nhân, điều kiện phạm tội, lỗi của bị hại và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà từng bị cáo được hưởng, để phạt bị cáo Hoàng Tuấn A 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, bị cáo Hoàng Thị L 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, bị cáo Lê Xuân D 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ là phù hợp; đảm bảo răn đe, giáo dục và ngăn ngừa tội phạm.

[3] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Đối với khoản tiền mất thu nhập trong thời gian nằm viện của bị hại không được cấp sơ thẩm xem xét, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm mặc dù đã được giải thích nhưng bị hại không yêu cầu, nên không có căn cứ xem xét.

Đối với khoản tiền thiệt hại về sức khỏe của bị hại mà án sơ thẩm tính, gồm: Tiền điều trị tại Bệnh viện có đầy đủ hóa đơn, chứng từ: 6.420.437 đồng; Tiền bồi dưỡng sức khỏe trong những ngày nằm viện: 28 ngày x 200.000đ/ngày = 5.600.000 đồng; Tiền công người nuôi bệnh trong những ngày nằm viện: 250.000đ/ngày x 28 ngày = 7.000.000 đồng; Tiền xe nhập viện, xuất viện: 400.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần 06 tháng lương x 1.490.000đ = 8.940.000 đồng. Tổng cộng: 28.360.437 đồng. Trên cơ sở mức độ lỗi của bị hại, án sơ thẩm buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 21.360.000 đồng, phần mỗi bị cáo phải bồi thường theo phần ngang nhau 7.120.000 đồng; là đã tính đúng, tính đủ, phù hợp với Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 585; 590 Bộ luật Dân sự.

Do đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận.

[4] Các bị cáo Hoàng Tuấn A, Hoàng Thị L, Lê Xuân D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại Lê Trọng Kính – Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Tuyên bố: Các bị cáo **Hoàng Tuấn A, Hoàng Thị L, Lê Xuân D** phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

1. Về Hình phạt: Áp dụng Khoản 1 Điều 157; Điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo L, bị cáo A; áp dụng Điểm p, Khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo D; phạt:

1.1. Bị cáo Hoàng Tuấn A – 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.2. Bị cáo Hoàng Thị L – 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hoàng Tuấn A, Hoàng Thị L cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo Hoàng Tuấn A, Hoàng Thị L có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Khi bị cáo Hoàng Tuấn A, Hoàng Thị L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Hoàng Tuấn A, Hoàng Thị L cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Hoàng Tuấn A, Hoàng Thị L phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.3. Bị cáo Lê Xuân D – 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Phú Yên nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Lê Xuân D cho Ủy ban nhân dân xã b, huyện H , tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Gia đình bị cáo D có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Lê Xuân D. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 585; 590 Bộ luật Dân sự;

Buộc các bị cáo Hoàng Tuấn A, Hoàng Thị L, Lê Xuân D phải liên đới bồi thường cho bị hại Lê Trọng K số tiền 21.360.000đ (Hai mươi một triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng); phần mỗi bị cáo phải bồi thường theo phần ngang nhau cho bị hại là: 7.120.000 đồng, cụ thể bị cáo Hoàng Tuấn A, bị cáo Lê Xuân D mỗi bị cáo đã bồi thường 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), bị cáo Hoàng Thị L đã bồi thường 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Nên bị cáo Hoàng Tuấn A, bị cáo Lê Xuân D mỗi bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Lê Trọng K 6.620.000đ (Sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng), bị cáo Hoàng Thị L còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Lê Trọng K 4.620.000đ (Bốn triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

Tuyên trả cho bị hại Lê Trọng K số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) mà các bị cáo đã nộp bồi thường cho bị hại tại các Biên lai: 0001062 ngày 17/5/2022, 0001066 ngày 06/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Phú Yên (Bút lục 416, 434).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

Các bị cáo Hoàng Tuấn A, Hoàng Thị L, Lê Xuân D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng (1);
- VKSND cấp cao (1);
- TAND huyện Tây Hòa (2);
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- VKSND huyện Tây Hòa (1);
- Công an huyện Tây Hòa (1);
- Sở tư pháp (1);
- Người tham gia tố tụng (1);
- P.KTNV (1);
- Lưu án văn (1); lưu hồ sơ (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Nguyên Tùng